TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 02 - 2024
V/v Ly hôn

N DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN N DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm N dân: Ông Hồ Quang Minh.

Ông Văn Công Trọn.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án N dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án N dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/01/2024 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Thuỳ L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2024 của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 1991 bà L và anh N tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, không có Đ ký kết hôn. Thời kỳ chung sống có 02 con chung tên Phan Hải Đ, sinh năm 1992 và Phan Mỹ N, sinh năm 1995 (Các con hiện nay đã thành niên và tự lo được cuộc sống riêng). Về tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên N mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không phù hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không có tình cảm và không thể kéo dài.

Bà L yêu cầu ly hôn với ông N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/01/2024 của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Anh N thống nhất ly hôn với chị L. Về con chung, tài sản chung và nợ chung thống nhất với lời trình bày của chị L.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án N dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Ly hôn"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn và bị đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh N tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và đủ điều kiện kết hôn thì phải Đ ký theo quy định của Luật hôn N và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng chị L và anh N không Đ ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn N và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án N dân tối cao, Viện kiểm sát N dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn N và gia đình không công nhận chị L và anh N là vợ chồng là phù hợp.

[3.2] *Về con chung:* Các con đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và tự lo được cuộc sống riêng, nên không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L và anh N không có yêu cầu trong vụ án này, nên không xem xét.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn N và gia đình; Khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án N dân tối cao, Viện kiểm sát N dân tối cao, Bộ tư

pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn N và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thuỳ L.

- Về hôn N: Không công nhận chị Huỳnh Thị Thuỳ L và anh Phan Văn N là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Thuỳ L phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị L đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004429 ngày 19/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã L;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải